TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 16/7/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lơn**
Ông **Lê Văn Lưỡng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tiến Oai** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Sơn** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Lê Thùy T –** sinh năm: 1974.
Trú tại: thôn Bình Thành, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Từ Thị T –** Sinh năm: 1972
Trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Nhật Đài C** – Sinh năm: 1993

2/ Bà **Nguyễn Nhật Đài T** – Sinh năm: 1994
Cùng trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Lê Thùy T trình bày*: Ngày 10/10/2013, bà Từ Thị T có mượn của tôi số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*), mục đích để làm ăn, hai con của bà T là Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T cùng cam kết trả nợ, giữa hai bên có

lập giấy cam kết lập ngày 10/10/2013 có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, bà T cùng các con của bà T chỉ trả lãi cho tôi được 04 tháng tiền lãi và đến nay chưa trả cho tôi số tiền nợ trên. Theo giấy cam kết thì bà Từ Thị T và Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T còn nợ của tôi số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*), Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ trên nhưng bà T vẫn không trả và trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Nay tôi yêu cầu bà Từ Thị T, Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T trả số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) một lần và tôi không yêu cầu trả lãi.

* Đối với bị đơn bà Từ Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa đã thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong vụ án.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm***:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải trả cho bà Mai Lê Thùy T số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*), làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

+ Về án phí: Bị đơn và những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: bà Từ Thị T là bị đơn; bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương và nơi bà T, bà C và bà T cư trú nhưng bà T, bà C và bà T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà C và bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mai Lê Thùy T yêu cầu bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T trả số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) là số tiền vay chưa trả. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa bà Mai Lê Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải trả số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy cam kết lập ngày 10/10/2013 mà bà T xuất trình thể hiện bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T có vay của bà Mai Lê Thùy T với tổng số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) và bà T, bà C, bà T có ký tên vào giấy cam kết. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xem như cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa. Do vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Lê Thùy T và buộc bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải trả 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) cho bà Mai Lê Thùy T một lần. Nguyên đơn bà Mai Lê Thùy T không yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) được tính như sau: 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Hoàn lại cho bà Mai Lê Thùy T 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006269 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Lê Thùy T.

- Buộc bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải trả 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) cho bà Mai Lê Thùy T sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Từ Thị T, bà Nguyễn Nhật Đài C và Nguyễn Nhật Đài T phải chịu 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Mai Lê Thùy T 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006269 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

**** Quy định chung:*** *Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
-VKSND thị xã Ninh Hòa;
-Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hải